

Số: 06 /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: 5
Ngày: 19/02

THÔNG TƯ

Quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp; Thông tư số 01/2012/TT-BNV ngày 16/01/2012 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, điều kiện, quy trình, thủ tục xét và tổ chức trao tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Giải thưởng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân có sản phẩm tham dự Giải thưởng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Việc xét tặng Giải thưởng phải được thực hiện đúng đối tượng, điều kiện, quy trình xét tặng được quy định tại Thông tư này; đảm bảo chính xác, công khai, dân chủ, khách quan.

2. Giải thưởng ghi nhận và tôn vinh những tập thể, cá nhân có sản phẩm tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp xứng đáng cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Những sản phẩm đã được trao tặng Giải thưởng không được tham gia xét tặng trong những lần tiếp theo.

Điều 4: Hình thức, số lượng và cơ cấu Giải thưởng

1. Hình thức:

a) Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam là Giải thưởng duy nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trao tặng cho các tập thể, cá nhân có sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện xét tặng được quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Giải thưởng được tổ chức xét tặng 03 (ba) năm một lần.

2. Sản phẩm tham gia xét tặng bao gồm 03 nhóm sau:

a) Nhóm sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học: giống cây trồng nông lâm nghiệp; giống vật nuôi và thủy sản; các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; công trình nghiên cứu khoa học, quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới;

b) Nhóm sản phẩm là hàng hóa tiêu dùng: sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị, thương hiệu hàng hóa có uy tín;

c) Nhóm các sản phẩm là những mô hình về tổ chức sản xuất, phát triển nông thôn.

3. Số lượng, cơ cấu Giải thưởng:

a) Mỗi lần xét trao tặng Giải thưởng cho tối đa 100 sản phẩm thuộc 03 nhóm đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Số lượng, cơ cấu giải thưởng cụ thể của từng nhóm đối tượng do Ban tổ chức Giải thưởng quy định trong mỗi lần tổ chức xét tặng Giải thưởng.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VÀ QUY TRÌNH XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 5. Điều kiện để xét tặng

Giải thưởng trao tặng cho các tập thể, cá nhân (tác giả, đồng tác giả) trong, ngoài ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện sau:

1. Có một trong những sản phẩm được quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Thông tư này.

2. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận:

a) Các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích: được Cục Sở hữu trí tuệ Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận;

b) Kết quả công trình nghiên cứu khoa học: đã được Hội đồng Khoa học công nghệ cấp có thẩm quyền nghiệm thu đạt loại xuất sắc và được ứng dụng trong sản xuất trên quy mô lớn; có ít nhất 03 năm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;

c) Các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp; giống vật nuôi và thủy sản; vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị, sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ: được áp dụng, triển khai vào sản xuất trong thời gian ít nhất

03 năm, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;

d) Thương hiệu hàng hoá chất lượng cao, có uy tín: được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

đ) Các mô hình về tổ chức sản xuất, phát triển nông thôn đã được tổng kết đánh giá, thực tế kiểm nghiệm, có chiều hướng phát triển và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận.

3. Các sản phẩm được Hội đồng xét tặng chuyên ngành chấm điểm bình quân đạt tối thiểu từ 70 điểm trở lên (thang điểm tối đa là 100) mới đủ điều kiện trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định trao tặng giải thưởng (*tiêu chí cụ thể của các nhóm sản phẩm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này*).

4. Không có tranh chấp về quyền tác giả, không có khiếu kiện, khiếu nại về năng suất, chất lượng của sản phẩm và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người và môi trường.

5. Có đầy đủ tài liệu chứng minh những sản phẩm đó thuộc quyền sở hữu của tác giả hoặc đồng tác giả.

6. Sản phẩm của các tập thể, cá nhân đang trong thời gian thi hành các hình thức kỷ luật thì không được tham gia xét tặng Giải thưởng.

Điều 6. Quy trình xét và Quyết định tặng Giải thưởng

Quy trình xét tặng Giải thưởng được tổ chức qua hai cấp là cấp cơ sở và cấp Bộ.

1. Cấp cơ sở: Hội đồng xét tặng cấp cơ sở tổ chức họp xét, tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành lập hồ sơ trình Bộ.

2. Cấp Bộ thực hiện theo 2 bước:

a) Bước 1: Hội đồng xét tặng chuyên ngành do Bộ trưởng quyết định thành lập, có nhiệm vụ xét, chấm điểm các sản phẩm do cấp cơ sở trình;

b) Bước 2: Hội đồng xét tặng cấp Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập, có nhiệm vụ xét chọn các sản phẩm do Hội đồng xét tặng chuyên ngành chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên.

3. Trên cơ sở danh sách do Hội đồng xét tặng cấp Bộ trình, Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng Giải thưởng cho các tập thể, cá nhân.

Điều 7. Hội đồng xét tặng cấp cơ sở

1. Số lượng, thành phần:

Hội đồng xét tặng cấp cơ sở từ 5 - 7 thành viên do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập. Cơ cấu thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Nhiệm vụ:

Hội đồng xét tặng cấp cơ sở có nhiệm vụ họp, xét chọn các sản phẩm của tập thể, cá nhân đạt đủ điều kiện được quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Nguyên tắc hoạt động:

Các phiên họp được coi là hợp lệ khi 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Các sản phẩm được xét trình Bộ khi có 100% số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu nhất trí.

Điều 8. Hội đồng xét tặng chuyên ngành

1. Số lượng, thành phần:

Mỗi Hội đồng xét tặng chuyên ngành có từ 9-13 thành viên là lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, kinh nghiệm chuyên môn thuộc các lĩnh vực trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Bộ lựa chọn mời tham gia.

Căn cứ vào đề xuất của Cơ quan thường trực Giải thưởng tại mỗi lần tổ chức xét tặng, Bộ trưởng sẽ quyết định thành lập các Hội đồng xét tặng chuyên ngành.

2. Nhiệm vụ:

Hội đồng xét tặng chuyên ngành có nhiệm vụ họp, chấm điểm các sản phẩm do cấp cơ sở trình (*theo các tiêu chí được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này*);

Sau khi kết thúc phiên họp, Hội đồng xét tặng chuyên ngành phải có Biên bản, Báo cáo kết quả và kèm theo bảng tổng hợp kết quả chấm điểm để trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ.

3. Nguyên tắc hoạt động:

Các thành viên Hội đồng xét tặng chuyên ngành làm việc theo nguyên tắc chấm điểm độc lập, thang chấm điểm tối thiểu là 1,0.

Các phiên họp của Hội đồng xét tặng chuyên ngành được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Các sản phẩm trình Hội đồng cấp Bộ phải đạt 70 điểm trở lên (điểm chấm bình quân của các thành viên Hội đồng).

Điều 9. Hội đồng xét tặng cấp Bộ

1. Thành phần:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua khen thưởng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

c) Các Ủy viên Hội đồng:

Chủ tịch Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

Chánh Văn phòng Bộ;

Chánh Thanh tra Bộ;

Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Tổng biên tập Báo Nông nghiệp Việt Nam;

Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, phụ trách công tác thi đua khen thưởng;

Các Chủ tịch Hội đồng xét tặng chuyên ngành;

d) Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Phòng Thi đua, Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.

Tại các phiên họp, Chủ tịch Hội đồng xét tặng cấp Bộ có thể mời thêm Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan tham dự.

2. Chức năng:

Hội đồng xét tặng cấp Bộ có chức năng tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho tập thể, cá nhân có sản phẩm đạt giải trong mỗi lần tổ chức.

3. Nhiệm vụ:

Hội đồng xét tặng cấp Bộ họp, xét chọn những sản phẩm do Hội đồng xét tặng chuyên ngành đề cử.

Hội đồng xét tặng cấp Bộ lập Tờ trình kèm theo Biên bản, Bảng tổng hợp kết quả họp Hội đồng, trình Bộ trưởng xem xét quyết định tặng Giải thưởng.

4. Nguyên tắc hoạt động:

Các thành viên Hội đồng xét tặng cấp Bộ làm việc theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Các phiên họp của Hội đồng xét tặng cấp Bộ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 các thành viên dự họp. Các sản phẩm được xét trình Bộ trưởng xem xét quyết định khi đạt 80% số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu nhất trí.

Điều 10. Số lượng và thời gian nhận hồ sơ

1. Hồ sơ của tập thể, cá nhân gửi các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) gồm 02 bộ bản chính, gồm có:

- a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo mẫu số 4 Phụ lục 1 của Thông tư này);
- b) Báo cáo thuyết minh, mô tả sản phẩm (theo mẫu số 5 Phụ lục 1 của Thông tư này);
- c) Văn bản xác nhận: được quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Thông tư này;
- d) Các mẫu hình ảnh, tài liệu của sản phẩm;
- đ) Bản sao các chứng nhận thành tích (nếu có);
- e) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ của các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) trình Bộ gồm 01 bộ bản chính, gồm có:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo mẫu số 1 Phụ lục 1 của Thông tư này);
- b) Biên bản họp Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (theo mẫu số 2 Phụ lục 1 của Thông tư này);
- c) Danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo mẫu số 3 Phụ lục 1 của Thông tư này);
- d) Hồ sơ của tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

a) Tập thể, cá nhân gửi hồ sơ tham gia xét tặng Giải thưởng đến các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) chậm nhất ngày 31/01 (tính theo dấu bưu điện) của năm tổ chức xét tặng Giải thưởng;

b) Hồ sơ do các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) trình Bộ chậm nhất ngày 31/3 (tính theo dấu bưu điện) của năm tổ chức xét tặng Giải thưởng;